

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 16/4/2020

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính và Ông Ngô Gia Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: bà Đặng Thị Doan, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 222/2019/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 về “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20/3/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị S, sinh năm 1985; ĐKKHKT: xóm 9, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; chỗ ở hiện nay: xóm 9, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Cao Văn D, sinh năm 1984; ĐKKHKT và trú tại: xóm 9, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trần Thị S trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Chị và anh Cao Văn D kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống xóm 9, xã Đ, huyện K. Vợ chồng đã có thời gian chung sống hòa thuận sau đó phát sinh mâu thuẫn, vì mâu thuẫn chị và Cao Văn D đã sống ly thân từ năm 2016.

Theo chị S thì nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D chơi bời, không tu chí làm ăn, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Anh D thường xuyên vô cớ chửi bới, đánh đập chị và đập phá đồ đạc trong gia đình. Đỉnh điểm là tháng 8 năm 2016, do mâu thuẫn vợ chồng, anh D đã đến tận nơi chị làm việc là Công ty TNHH chiếu cói Q để đánh đập, đe dọa chị. Sự việc được nhiều người ở nơi chị làm việc chứng kiến và can ngăn. Vì không thể chịu đựng được, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 9, xã T để sinh sống, ly thân với anh D từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống

với nhau được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Cao Thị Phương N sinh ngày 31/7/2014, hiện đang ở với chị, khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh D đóng góp tiền nuôi con cho chị

Về tài sản: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Do bận công việc không thể tham gia phiên tòa, chị Trần Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị đơn anh Cao Văn D trong các biên bản sự việc thể hiện: Mặc dù được tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án hợp lệ nhưng anh không lên Tòa án để làm việc. Qua trao đổi với người thân và điện thoại trực tiếp cho anh D, anh xác định, anh có biết việc chị S yêu cầu ly hôn với anh nhưng anh không quan tâm và cho rằng chị S làm đơn xin ly hôn thì tự giải quyết với Tòa án, anh sẽ không đến Tòa án làm việc mặc dù vẫn thường xuyên đi về tại địa phương.

Về con chung và tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, anh không có quan điểm về nội dung này

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của BLTTDS

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về hướng giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị S và anh Cao Văn D; giao chị Trần Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng là Cao Thị Phương N sinh ngày 31/7/2014 đến khi thành niên; anh Cao Văn D không phải đóng góp tiền nuôi con cho chị S; chị S phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị S khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Cao Văn D, cư trú tại xóm 9, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Nguyên đơn chị Trần Thị S do bận công việc nên đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Cao Văn D đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt lần 2 không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị S và anh Cao Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2013 tại UBND xã Đ, là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ; sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn.

Về phía chị S xác định mâu thuẫn vợ chồng là do anh D chơi bời, không tu chí làm ăn, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Anh D thường xuyên chửi bới,

đánh đập chị và đập phá đồ đạc trong nhà. Hơn nữa, anh D còn đến tận nơi làm việc để đánh đập, đe dọa chị vì vậy chị đã bỏ về nhà bố mẹ để dễ sinh sống.

Về phía anh D, anh có thái độ không hợp tác trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Mặc dù được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh không đến Tòa án để trình bày quan điểm mà anh chỉ trao đổi qua điện thoại. Anh xác định giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nên nay chị S ly hôn anh, anh đề nghị chị S cứ làm việc với Tòa án, anh không quan tâm. Do vậy, Tòa án đã tạo điều kiện cho cả hai bên có thời gian tự hòa giải nhưng không có kết quả, anh D không tham gia phiên hòa giải tại Tòa án.

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị Trần Thị S và anh Cao Văn D tại UBND xã Đ là nơi anh chị cư trú, thì chính quyền địa phương xác nhận chị S và anh D có xảy ra mâu thuẫn, chị S đã bỏ nhà đi từ năm 2016, không còn chung sống với anh D nữa.

Như vậy từ trình bày và thái độ của hai bên trong quá trình giải quyết vụ án đã cho thấy chị S không còn muốn quay về chung sống với anh D nữa và anh D cũng bỏ mặc, không chủ động hòa giải với chị S cũng như không tham gia hòa giải tại Tòa án.

Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị S và anh D hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của chị S giải quyết ly hôn với anh D là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung : Qua trình bày của chị Trần Thị S và xác minh tại địa phương thì xác định vợ chồng chị S, anh D có 01 con chung là Cao Thị Phương N sinh ngày 31/7/2014

Về phía chị S, chị yêu cầu được nuôi con chung khi ly hôn và không yêu cầu anh Cao Văn D đóng góp tiền nuôi con cho chị; anh D không có quan điểm về vấn đề này.

Thực tế từ khi ly thân đến nay con chung do chị S trực tiếp nuôi dưỡng và cuộc sống của con chung vẫn được đảm bảo mà không có sự đóng góp của anh D; mặc dù được giải thích nhưng chị S vẫn không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị khi ly hôn. Để đảm bảo cuộc sống ổn định về sinh hoạt, học tập của con chung thì việc giao chị S tiếp tục nuôi con chung và anh D không phải đóng góp tiền nuôi con chung của chị S đề xuất là phù hợp

[4] Về tài sản chung: Chị Trần Thị S và anh Cao Văn D đều không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vấn đề này

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc chị S phải nộp toàn bộ án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa chị Trần Thị S và anh Cao Văn D.

2/ Về con chung: Giao chị Trần Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là Cao Thị Phương N sinh ngày 31/7/2014 đến khi thành niên. Anh D không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung với chị S. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3/ Về án phí: Chị Trần Thị S phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA3180 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh